

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2025/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 4 - 2025
Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên
<i>Các Hội thẩm nhân dân:</i>	Ông Hà Bửu Khánh
	Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 648/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị Đ, sinh năm 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

ĐKTT: Ấp CQQ, xã TB, huyện GR, tỉnh KG

Chỗ ở hiện nay: Ấp TC, xã BTĐ, huyện GR, tỉnh KG

- Bị đơn: Anh Danh V, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CQQ, xã TB, huyện GR, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện chị Thị Đ nguyên đơn trình bày: Chị Đ và anh Danh V tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Bình, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Quá trình hôn nhân giữa chị và anh V không được hạnh phúc, thường xuyên cự cãi nhau liên tục. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V khó khăn, gia trưởng, thường xuyên rượu chè về nhà kiểm chuyện chửi mắng chị. Do cha mẹ khuyên ngăn nên chị đã cố

gắng chịu đựng nhưng anh V ngày càng lấn tới liên tiếp kiểm chuyện với chị nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Nay chị xét thấy giữa chị và anh V không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Danh V.

Về con chung: Chưa có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Danh V đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản, ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án đã triệu tập anh V đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh V vắng mặt, không vì lí do bất khả kháng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Hội đồng xét xử, thẩm phán, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng nguyên đơn và bị đơn vắng mặt. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Thị Đ và anh Danh V tiến tới hôn có đăng ký kết hôn theo quy định, nên xác định hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh V. Xét thấy chị Đ anh V đã sống ly thân với nhau nên hôn nhân anh chị đã lâm vào trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chị Thị Đ được ly hôn với anh Danh V.

Về con chung: chưa có con chung

Về tài sản chung không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng

Dân sự, anh V với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại Ấp CQQ, xã TB, huyện GR, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Quá trình tố tụng nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn vắng mặt căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Thị Đ và anh Danh V là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đúng thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn chị Đ cho rằng giữa chị anh V thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị và anh V đã sống ly thân. Đối với bị đơn anh V đã được Tòa án thông báo về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh V vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng không đưa ra ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân là nhằm để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên phải có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, muốn đạt được điều này vợ chồng cùng xây dựng, nhưng chị Đ không còn tình cảm vợ chồng với anh V và cả hai đã sống ly thân. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa chị Đ anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ được ly hôn với anh V.

[2.2]. Về con chung: Chưa có con chung

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Thị Đ phải chi án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị Đ được ly hôn với anh Danh V.

2. Về quan hệ con chung: Chưa có con chung

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Thị Đ phải chi án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai thu số 0008980, ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Cơ quan Thi hành án.

5. Quyền kháng cáo: Chị Thị Đ, anh Danh V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện GR;
- CCTHADS huyện GR;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

